

Số: 24 /2021/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 15 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức
trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
Căn cứ Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ viên chức;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 302/TTr-SNV ngày 22 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Giám đốc các Sở và tương đương cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện nội dung Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc các Sở và tương đương cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2021 và thay thế Chương III của Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định tuyển dụng công chức, viên

chức; quản lý công chức, viên chức; nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội (để giám sát);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ (phát hành);
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Các Sở, Ban, Ngành tỉnh (để phối hợp);
- Trung tâm Công báo - Tin học (đăng công báo);
- Lưu: VT, NC (KY.QĐQP.21).



Phạm Văn Thiều

QUY ĐỊNH

Về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu
(Kèm theo Quyết định số 24 /2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với viên chức làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.
2. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trực thuộc Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh (sau đây gọi là Sở và tương đương), trực thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Phân loại viên chức

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

**Chương II
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC**

**Mục 1
CĂN CỨ, ĐIỀU KIỆN, THẨM QUYỀN TUYỂN DỤNG**

Điều 3. Căn cứ tuyển dụng viên chức

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 4. Điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức

Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật Viên chức và Điều 5 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 5. Ưu tiên trong tuyển dụng viên chức

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 6. Thẩm quyền tuyển dụng viên chức

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ) thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện việc tuyển dụng viên chức. Cụ thể như sau:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng kế hoạch tuyển dụng và tổ chức tuyển dụng viên chức theo quy định. Sau khi có kết quả tuyển dụng báo cáo về Sở Nội vụ để theo dõi.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở và tương đương.

Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng kế hoạch tuyển dụng, báo cáo Giám đốc Sở và tương đương có ý kiến. Sau khi có ý kiến thống nhất của Giám đốc Sở và tương đương, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện việc tuyển dụng theo quy định.

Sau khi có kết quả tuyển dụng, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập báo cáo kết quả về Giám đốc Sở và tương đương; Giám đốc Sở và tương đương báo cáo về Sở Nội vụ để theo dõi.

c) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng kế hoạch tuyển dụng, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có ý kiến. Sau khi có ý kiến thống nhất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện việc tuyển dụng theo quy định.

Sau khi có kết quả tuyển dụng, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập báo cáo kết quả về Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo về Sở Nội vụ để theo dõi.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp chưa được giao quyền tự chủ).

a) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh:

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị, Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch tuyển dụng và tổ chức tuyển dụng viên chức theo quy định.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở và tương đương:

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, Giám đốc Sở và tương đương xây dựng kế hoạch tuyển dụng gửi về Sở Nội vụ để xem xét cho ý kiến trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc (kể từ ngày nhận được văn bản). Trường hợp quá 05 (năm) ngày làm việc Sở Nội vụ chưa có ý kiến thì Giám đốc Sở và tương đương ký ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Sau khi có kết quả tuyển dụng, Giám đốc Sở và tương đương báo cáo về Sở Nội vụ để theo dõi.

c) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch tuyển dụng gửi về Sở Nội vụ để xem xét cho ý kiến trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc (kể từ ngày nhận được văn bản). Trường

hợp quá 05 (năm) ngày làm việc Sở Nội vụ chưa có ý kiến thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Sau khi có kết quả tuyển dụng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo về Sở Nội vụ để theo dõi.

3. Trường hợp các cơ quan, đơn vị được giao thẩm quyền tuyển dụng viên chức nhưng không tổ chức tuyển dụng viên chức do không đủ điều kiện để tổ chức tuyển dụng thì có văn bản đề nghị gửi Sở Nội vụ, Sở Nội vụ tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch tuyển dụng và tổ chức tuyển dụng viên chức theo quy định.

Điều 7. Hội đồng tuyển dụng viên chức

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ.

Hội đồng tuyển dụng có 05 hoặc 07 thành viên, như sau:

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập;

Phó Chủ tịch Hội đồng là người phụ trách công tác tổ chức cán bộ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là viên chức giúp việc về công tác tổ chức cán bộ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Các ủy viên khác là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức tuyển dụng do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở và tương đương.

Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập;

Phó Chủ tịch Hội đồng là người phụ trách công tác tổ chức cán bộ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là viên chức giúp việc về công tác tổ chức cán bộ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Các ủy viên khác là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức tuyển dụng do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập;

Phó Chủ tịch Hội đồng là người phụ trách công tác tổ chức cán bộ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là viên chức giúp việc về công tác tổ chức cán bộ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Các ủy viên khác là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức tuyển dụng do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ.

Hội đồng tuyển dụng có 05 hoặc 07 thành viên, như sau:

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Nội vụ;

Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng công chức, viên chức thuộc Sở Nội vụ;

Các ủy viên khác là công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở và tương đương.

Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở và tương đương;

Phó Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập;

Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là người phụ trách công tác tổ chức cán bộ của Sở và tương đương;

Các ủy viên khác là công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị do Giám đốc Sở và tương đương quyết định.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện;

Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là công chức Phòng Nội vụ cấp huyện;

Các ủy viên khác là công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

3. Hội đồng tuyển dụng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Khoản 3, Điều 8 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

4. Việc bố trí người tham gia thành viên Hội đồng tuyển dụng, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng tuyển dụng theo quy định tại Khoản 4, Điều 8 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Mục 2 **THI TUYỂN VIÊN CHỨC**

Điều 8. Hình thức, nội dung và thời gian thi

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 9. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

**Mục 3
XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC****Điều 10. Nội dung, hình thức xét tuyển viên chức**

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 11. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 12. Tiếp nhận vào làm viên chức

1. Căn cứ điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức và theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, cấp có thẩm quyền tiếp nhận vào làm viên chức thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 13 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

2. Quy trình xem xét tiếp nhận vào làm viên chức:

Khi xem xét tiếp nhận vào làm viên chức đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 13 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức theo quy định tại Điều 6 Quy định này thực hiện như sau:

a) Đối với trường hợp tiếp nhận vào làm viên chức không giữ chức vụ quản lý theo phân cấp:

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch. Thành phần Hội đồng kiểm tra, sát hạch được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

Hội đồng kiểm tra, sát hạch thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 13 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Sau khi tổ chức kiểm tra, sát hạch, căn cứ kết quả kiểm tra, sát hạch, Hội đồng kiểm tra, sát hạch báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức ra quyết định tiếp nhận vào làm viên chức và báo cáo về Sở Nội vụ để theo dõi.

b) Đối với trường hợp tiếp nhận vào làm viên chức để bổ nhiệm làm viên chức quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thì không phải thực hiện quy trình xem xét tiếp nhận nhưng phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện để bổ nhiệm theo tiêu chuẩn chức vụ bổ nhiệm và theo phân cấp cán bộ, như sau:

Chức vụ do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, Sở Nội vụ tổng hợp hồ sơ, báo cáo Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét. Sau khi có ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định theo thẩm quyền;

Chức vụ do Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp quản lý, Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định hồ sơ, trình Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét. Sau khi có ý kiến thống nhất của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ có văn bản gửi Giám đốc Sở và tương đương ra quyết định bổ nhiệm theo thẩm quyền;

Các chức vụ còn lại, Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ và có ý kiến bằng văn bản. Sau khi có ý kiến thống nhất của Giám đốc Sở Nội vụ, người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định tiếp nhận vào làm viên chức và quyết định bổ nhiệm theo thẩm quyền.

c) Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận vào làm viên chức:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 13 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

d) Việc xếp lương theo chức danh nghề nghiệp viên chức sau khi được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm viên chức thực hiện theo quy định hiện hành.

Mục 4

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

Điều 13. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển

Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 14. Trình tự tổ chức tuyển dụng

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 15. Thông báo kết quả tuyển dụng viên chức

Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 16. Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 17. Ký kết hợp đồng làm việc và nhận việc

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp ra quyết định tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc với người trúng tuyển vào làm viên chức;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các Sở và tương đương, do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp ra quyết định tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc với người trúng tuyển vào làm viên chức;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp ra quyết định tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc với người trúng tuyển vào làm viên chức.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp ra quyết định tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc với người trúng tuyển vào làm viên chức sau khi có quyết định công nhận kết quả tuyển dụng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các Sở và tương đương, do Giám đốc Sở và tương đương ra quyết định tuyển dụng và giao người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập ký kết hợp đồng làm việc với người trúng tuyển vào làm viên chức;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định tuyển dụng và giao người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập ký kết hợp đồng làm việc với người trúng tuyển vào làm viên chức.

Mục 5 HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC

Điều 18. Mẫu các loại hợp đồng làm việc

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (Mẫu số 02 hoặc Mẫu số 03).

Điều 19. Các nội dung liên quan đến hợp đồng làm việc

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Mục 6 TẬP SỰ

Điều 20. Chế độ tập sự

Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 21. Hướng dẫn tập sự

Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 22. Chế độ, chính sách đối với người tập sự và người hướng dẫn tập sự

Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 23. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức đối với người tập sự sau khi hết thời gian tập sự

Thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 24. Chấm dứt hợp đồng làm việc đối với người tập sự

Thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Chương III SỬ DỤNG VIÊN CHỨC

Mục 1

BỐ TRÍ, PHÂN CÔNG CÔNG TÁC, BIỆT PHÁI VIÊN CHỨC

Điều 25. Bố trí, phân công công tác

Thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 26. Biệt phái viên chức

Thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Mục 2

CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ THAY ĐỔI CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 27. Chức danh nghề nghiệp viên chức

Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 28. Thay đổi chức danh nghề nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 29. Xét chuyển chức danh nghề nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

1. Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng III, hạng IV và hạng V (ngạch chuyên viên hoặc tương đương; ngạch cán sự hoặc tương đương và ngạch nhân viên):

Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản đề nghị xét chuyển (kèm theo danh sách và hồ sơ) gửi Sở Nội vụ để thẩm định. Khi có văn bản thống nhất của Giám đốc Sở Nội vụ thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc xét chuyển chức danh nghề nghiệp.

2. Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II (ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương); viên chức giữ chức danh, chức vụ thuộc thẩm quyền của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản đề nghị xét chuyển (kèm theo danh sách và hồ sơ) gửi Sở Nội vụ quyết định việc xét chuyển chức danh nghề nghiệp theo phân cấp.

3. Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Tỉnh ủy quản lý do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương, có văn bản đề nghị xét chuyển (kèm theo danh sách và hồ sơ) gửi Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Khi xét chuyển chức danh nghề nghiệp không kết hợp nâng bậc lương.

Điều 30. Căn cứ, nguyên tắc tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 31. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 32. Phân công, phân cấp tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề trong cùng lĩnh vực sự nghiệp

1. Đối với thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I:

Khi Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị lập danh sách, hồ sơ theo yêu cầu, gửi Sở Nội vụ tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cử viên chức tham gia.

2. Đối với thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng II:

Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng II, sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung đề án và chỉ tiêu thăng hạng, cụ thể như sau:

a) Đối với viên chức đơn vị sự nghiệp khác:

Sở Nội vụ chủ trì, xây dựng đề án tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xin ý kiến Bộ Nội vụ về nội dung đề án và chỉ tiêu thăng hạng.

Sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện theo quy định.

b) Đối với viên chức đơn vị sự nghiệp giáo dục:

Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng đề án tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xin ý kiến Bộ Nội vụ về nội dung đề án và chỉ tiêu thăng hạng.

Sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ, Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện theo quy định.

c) Đối với viên chức đơn vị sự nghiệp y tế:

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng đề án tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xin ý kiến Bộ Nội vụ về nội dung đề án và chỉ tiêu thăng hạng.

Sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ, Sở Y tế tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện theo quy định.

d) Đối với viên chức đơn vị sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng đề án tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xin ý kiến Bộ Nội vụ về nội dung đề án và chỉ tiêu thăng hạng.

Sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện theo quy định.

3. Đối với thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng III và hạng IV:

Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng III và hạng IV, cụ thể như sau:

a) Đối với viên chức đơn vị sự nghiệp khác:

Sở Nội vụ chủ trì, xây dựng đề án tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Sau khi có quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện theo quy định.

b) Đối với viên chức đơn vị sự nghiệp y tế:

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng đề án tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Sau khi có quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Y tế tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện theo quy định.

c) Đối với viên chức đơn vị sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng đề án tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Sau khi có quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 33. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 34. Cử viên chức tham dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Đối với kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên hạng I:

Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương, tổng hợp hồ sơ, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi Sở Nội vụ để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cử viên chức tham dự kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Bộ ngành tổ chức.

2. Đối với kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên hạng II, hạng III và hạng IV:

a) Đối với viên chức đơn vị sự nghiệp khác:

Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp hồ sơ, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, gửi Sở Nội vụ để tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo phân cấp.

b) Đối với viên chức đơn vị sự nghiệp giáo dục:

Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ tổng hợp hồ sơ, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, phối hợp Sở Nội vụ để tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo phân cấp.

c) Đối với viên chức đơn vị sự nghiệp y tế:

Sở Y tế tổng hợp hồ sơ, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, phối hợp Sở Nội vụ để tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo phân cấp.

d) Đối với viên chức đơn vị sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp hồ sơ, lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, phối hợp Sở Nội vụ để tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo phân cấp.

Điều 35. Hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 36. Tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 37. Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức đơn vị sự nghiệp khác:

Từ hạng V lên hạng IV, hạng IV lên hạng III và hạng III lên hạng II. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Nội vụ;
- c) Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng công chức, viên chức thuộc Sở Nội vụ;
- d) Các ủy viên Hội đồng là lãnh đạo và công chức, viên chức các Sở và tương đương; các cơ quan, đơn vị có liên quan do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức đơn vị sự nghiệp giáo dục:

Từ hạng III lên hạng II. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- b) Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ;
- c) Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Nội vụ;
- d) Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng phụ trách tổ chức cán bộ của Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ;
- đ) Ủy viên Hội đồng là Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng công chức, viên chức của Sở Nội vụ;
- e) Các ủy viên khác là chuyên viên phụ trách tổ chức cán bộ của Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ; chuyên viên phòng công chức, viên chức của Sở Nội vụ.

3. Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức đơn vị sự nghiệp y tế:

Từ hạng V lên hạng IV, hạng IV lên hạng III và hạng III lên hạng II. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- b) Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Y tế;
- c) Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Nội vụ;
- d) Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng phụ trách tổ chức cán bộ của Sở Y tế;
- đ) Ủy viên Hội đồng là Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng công chức, viên chức của Sở Nội vụ;
- e) Các ủy viên khác là chuyên viên phụ trách tổ chức cán bộ của Sở Y tế; chuyên viên phòng công chức, viên chức của Sở Nội vụ.

4. Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức đơn vị sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp:

Từ hạng IV lên hạng III và hạng III lên hạng II. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- b) Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- c) Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Nội vụ;
- d) Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng phụ trách tổ chức cán bộ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- đ) Ủy viên Hội đồng là Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng công chức, viên chức của Sở Nội vụ;
- e) Các ủy viên khác là chuyên viên phụ trách tổ chức cán bộ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; chuyên viên phòng công chức, viên chức của Sở Nội vụ.

5. Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Khoản 2, Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

6. Việc bố trí người tham gia thành viên Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Khoản 3, Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 38. Hình thức, nội dung và thời gian thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 39. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 40. Xét thăng hạng đặc cách chức danh nghề nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 41. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Đối với kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng I:

Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ.

2. Đối với kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng II:

Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

3. Đối với kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng III và hạng IV:

Giám đốc Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

4. Việc xếp lương đối với viên chức được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp sau khi trúng tuyển kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thực hiện theo quy định hiện hành.

Mục 3

BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI, KÉO DÀI THỜI GIAN CÔNG TÁC ĐẾN TUỔI NGHỈ HƯU ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC QUẢN LÝ

Điều 42. Thời hạn giữ chức vụ

Thực hiện theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 43. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm

Thực hiện theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.

Điều 44. Trách nhiệm và thẩm quyền trong công tác bổ nhiệm viên chức quản lý

Thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.

Điều 45. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm viên chức quản lý

Thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.

Điều 46. Bổ nhiệm trong trường hợp khác

Thực hiện theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.

Điều 47. Hồ sơ bổ nhiệm

Thực hiện theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.

Điều 48. Thời điểm, thời hạn và nguyên tắc thực hiện bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý

Thực hiện theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.

Điều 49. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm lại

Thực hiện theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.

Điều 50. Thủ tục bổ nhiệm lại

Thực hiện theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.

Điều 51. Thủ tục kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu

Thực hiện theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.

Điều 52. Hồ sơ bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu

Thực hiện theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.

Mục 4**THÔI GIỮ CHỨC VỤ, MIỄN NHIỆM ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC QUẢN LÝ****Điều 53. Thôi giữ chức vụ đối với viên chức quản lý**

Thực hiện theo quy định tại Điều 54 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.

Điều 54. Miễn nhiệm đối với viên chức quản lý

Thực hiện theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.

Điều 55. Chế độ, chính sách đối với viên chức thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến miễn nhiệm đối với viên chức

Thực hiện theo quy định tại Điều 56 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Mục 5**QUY ĐỊNH VỀ THÔI VIỆC VÀ THỦ TỤC NGHỈ HƯU****Điều 56. Giải quyết thôi việc đối với viên chức**

Thực hiện theo quy định tại Điều 57 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 57. Trợ cấp thôi việc đối với viên chức thôi việc

Thực hiện theo quy định tại Điều 58 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 58. Thủ tục nghỉ hưu

Thực hiện theo quy định tại Điều 59 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 59. Chế độ, chính sách và cơ chế quản lý đối với trường hợp viên chức đã nghỉ hưu thực hiện ký hợp đồng vụ, việc với đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện theo quy định tại Điều 60 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Mục 6

ĐIỀU ĐỘNG, TIẾP NHẬN, CHUYỂN CÔNG TÁC ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC

Điều 60. Điều động đối với viên chức trong phạm vi quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trực thuộc Sở và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện

Việc điều động đối với viên chức phải căn cứ vào nhu cầu, trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và chỉ tiêu biên chế được giao của cơ quan, đơn vị, thực hiện như sau:

1. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Quyết định điều động đối với các chức danh, chức vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký bổ nhiệm;

b) Quyết định điều động đối với viên chức từ đơn vị này sang đơn vị khác để bổ nhiệm các chức danh, chức vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký bổ nhiệm.

2. Thẩm quyền của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương:

a) Quyết định điều động đối với viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ đơn vị này sang đơn vị khác trong phạm vi quản lý;

b) Quyết định điều động đối với viên chức giữ chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trực thuộc Sở và tương đương từ đơn vị này sang đơn vị khác trong phạm vi quản lý, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ;

c) Quyết định điều động đối với viên chức giữ chức vụ Trưởng phòng hoặc tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trực thuộc Sở và tương đương từ đơn vị này sang đơn vị khác trong phạm vi quản lý, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều động đối với viên chức, bao gồm cả viên chức giữ chức vụ Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương từ đơn vị này sang đơn vị khác trong phạm vi quản lý.

3. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Quyết định điều động đối với viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ đơn vị này sang đơn vị khác trong phạm vi quản lý;

b) Quyết định điều động đối với viên chức giữ chức vụ Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương cấp huyện từ đơn vị này sang đơn vị khác trong phạm vi quản lý, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ; quyết định điều động các chức danh, chức vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký bổ nhiệm;

c) Đối với viên chức sự nghiệp giáo dục và đào tạo (không giữ chức vụ quản lý) cấp huyện, giao Trưởng phòng giáo dục và đào tạo cấp huyện quyết định điều động viên chức trong đơn vị sự nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý đối với các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở sau khi có ý kiến thống nhất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 61. Điều động viên chức trong tỉnh ngoài phạm vi quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trực thuộc Sở và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Căn cứ vào nhu cầu, trình độ đào tạo, vị trí việc làm, chỉ tiêu biên chế được giao và nhu cầu của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trực thuộc Sở và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện. Giám đốc Sở Nội vụ quyết định việc điều động viên chức trong tỉnh ngoài phạm vi quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trực thuộc Sở và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Thành phần hồ sơ điều động viên chức trong tỉnh:

a) Đơn xin chuyển công tác của viên chức (đối với trường hợp xin chuyển công tác) hoặc văn bản của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có nhu cầu viên chức đến;

b) Văn bản đồng ý cho chuyển công tác của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi viên chức đang công tác (Kèm theo tờ trình gửi Giám đốc Sở Nội vụ của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đến);

c) Hồ sơ cá nhân viên chức được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ viên chức.

Điều 62. Viên chức chuyển công tác đi ngoài tỉnh

1. Căn cứ vào nhu cầu, vị trí việc làm, điều kiện của viên chức, việc sử dụng viên chức của cơ quan, đơn vị; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có ý kiến đồng ý cho viên chức chuyển công tác. Giám đốc Sở Nội vụ quyết định việc chuyển công tác viên chức đi ngoài tỉnh.

2. Thành phần hồ sơ chuyển công tác của viên chức đi ngoài tỉnh:

- a) Đơn xin chuyển công tác của viên chức;
- b) Văn bản đồng ý cho chuyển công tác của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- c) Văn bản đồng ý của Giám đốc Sở Nội vụ của tỉnh nơi viên chức đến (hoặc cơ quan, đơn vị có thẩm quyền của nơi đến theo phân cấp);
- d) Hồ sơ cá nhân viên chức được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BNV.

Điều 63. Tiếp nhận viên chức ngoài tỉnh đến

1. Căn cứ vào nhu cầu, trình độ đào tạo, vị trí việc làm, chỉ tiêu biên chế được giao, xét nguyện vọng của viên chức xin chuyển công tác hợp lý hoặc nhu cầu của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trực thuộc Sở và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện. Giám đốc Sở Nội vụ quyết định tiếp nhận viên chức ngoài tỉnh đến.

2. Thành phần hồ sơ tiếp nhận viên chức ngoài tỉnh đến:

- a) Đơn xin chuyển công tác của viên chức hoặc văn bản của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có nhu cầu;
- b) Văn bản đồng ý cho chuyển công tác của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi viên chức đang công tác;
- c) Văn bản đồng ý chuyển công tác của Giám đốc Sở Nội vụ nơi viên chức đi;
- d) Văn bản đồng ý tiếp nhận viên chức đến của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi viên chức đến;
- đ) Tờ trình của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- e) Hồ sơ cá nhân viên chức được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BNV.

Chương IV QUẢN LÝ VIÊN CHỨC

Điều 64. Nội dung quản lý viên chức

Thực hiện theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Điều 65. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với đội ngũ viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

a) Quyết định danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc theo phân công, phân cấp và theo quy định của Đảng và của pháp luật;

b) Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng và công nhận kết quả thi tuyển, xét tuyển viên chức đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Thành lập Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức sự nghiệp khác từ hạng V lên hạng IV, hạng IV lên hạng III và hạng III lên hạng II;

d) Phê duyệt đề án, kế hoạch và tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức sự nghiệp khác từ hạng V lên hạng IV, hạng IV lên hạng III và hạng III lên hạng II;

đ) Quyết định bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức có chức danh nghề nghiệp hạng I sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ; quyết định bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức có chức danh nghề nghiệp hạng II; quyết định nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên nghề; nghỉ hưu, thôi việc đối với viên chức lãnh đạo thuộc Tỉnh ủy quản lý và chức danh, chức vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký bổ nhiệm;

e) Quyết định điều động đối với các chức danh, chức vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký bổ nhiệm; điều động đối với viên chức từ đơn vị này sang đơn vị khác để bổ nhiệm các chức danh, chức vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký bổ nhiệm.

3. Quyết định theo phân cấp quản lý:

a) Quyết định điều động, chuyển công tác đối với viên chức từ đơn vị này sang đơn vị khác ngoài phạm vi quản lý của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; quyết định cho viên chức chuyển công tác đi ngoài tỉnh; quyết định tiếp nhận viên chức ngoài tỉnh đến;

b) Quyết định điều động viên chức từ đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ sang đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ;

c) Quyết định bổ nhiệm, xếp lương chức danh nghề nghiệp hạng III (chuyên viên hoặc tương đương), hạng IV (cán sự hoặc tương đương); quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II (chuyên viên chính hoặc tương đương);

d) Quyết định việc xét chuyển chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II (chuyên viên chính hoặc tương đương), viên chức giữ chức danh, chức vụ thuộc thẩm quyền của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

đ) Thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng viên chức đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trực thuộc Sở và tương đương, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

e) Thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với viên chức theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật theo quy định;

g) Thực hiện thống kê và báo cáo thống kê viên chức theo quy định;

h) Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

Điều 66. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng đề án tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp sự nghiệp giáo dục, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Nội vụ cho ý kiến về nội dung đề án và chỉ tiêu thăng hạng đối với kỳ thi hoặc xét thăng hạng từ hạng III lên hạng II.

2. Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức sự nghiệp giáo dục; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả và tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 67. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Sở Y tế

1. Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng đề án tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp sự nghiệp y tế; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Nội vụ cho ý kiến về nội dung đề án và chỉ tiêu thăng hạng đối với kỳ thi hoặc xét thăng hạng từ hạng V lên hạng IV, hạng IV lên hạng III và hạng III lên hạng II.

2. Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức sự nghiệp y tế; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả và tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 68. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ xây dựng đề án tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Nội vụ cho ý kiến về nội dung đề án và chỉ tiêu thăng hạng đối với kỳ thi hoặc xét thăng hạng từ hạng IV lên hạng III và hạng III lên hạng II.

2. Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả và tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 69. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Sở và tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thực hiện các chế độ, chính sách của nhà nước đối với viên chức theo phân cấp.

2. Thực hiện tuyển dụng, tiếp nhận vào làm viên chức, bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp, ký kết và chấm dứt hợp đồng làm việc, biệt phái viên chức theo phân công, phân cấp.

3. Thực hiện nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề đối với viên chức từ ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở xuống (riêng nâng bậc lương trước thời hạn phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Nội vụ).

4. Cử viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Quản lý, sử dụng viên chức đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

6. Bố trí, phân công nhiệm vụ và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của viên chức; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng viên chức theo phân cấp.

7. Thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với viên chức theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật theo quy định.

8. Thực hiện việc lập hồ sơ và lưu giữ hồ sơ cá nhân của viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

9. Giải quyết thôi việc, nghỉ hưu đối với viên chức theo phân cấp.

10. Thống kê và báo cáo Sở Nội vụ về số lượng, chất lượng đội ngũ viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

11. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 70. Nhiệm vụ và quyền hạn của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trực thuộc Sở và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Xây dựng Đề án vị trí việc làm, trình cấp thẩm quyền phê duyệt;

b) Thực hiện các chế độ, chính sách của nhà nước đối với viên chức theo phân cấp;

c) Thực hiện tuyển dụng, bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp, ký kết và chấm dứt hợp đồng làm việc, biệt phái viên chức theo phân công, phân cấp;

d) Bố trí, phân công nhiệm vụ và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của viên chức; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng viên chức theo phân cấp;

đ) Thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với viên chức theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật theo quy định;

e) Thực hiện việc lập hồ sơ và lưu giữ hồ sơ cá nhân của viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

g) Giải quyết thôi việc, nghỉ hưu đối với viên chức theo phân cấp;

h) Thống kê và báo cáo Sở Nội vụ về số lượng, chất lượng đội ngũ viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

i) Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trực thuộc Sở và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, ngoài các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Khoản 1 Điều này còn có các nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

a) Quyết định danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc theo quy định pháp luật;

b) Cử viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Quyết định cử viên chức tham dự các cuộc hội thảo, hội nghị, nghiên cứu khảo sát và học tập kinh nghiệm theo phân cấp.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 71. Giám đốc Sở và tương đương, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này, đồng thời, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật về những việc được giao quyền tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 72. Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở và tương đương; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện Quy định; đồng thời, theo dõi, kiểm tra, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh việc thực hiện Quy định này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, Giám đốc các Sở và tương đương, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.